TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 603/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 19/6/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các Thẩm phán: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Văn Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị TH – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 289/2018/HNGĐ-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 12/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2461/2018/QĐPT-HNGD ngày 31/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Minh H, sinh năm 1964
Địa chỉ: 15 Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: ông Cao Tiến N, sinh năm 1954,
Địa chỉ: 15 Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung và quyết đinh của bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm Nguyên đơn bà Trương Thị Minh H trình bày:

Bà và ông N tự nguyện kết hôn năm 1986, giấy chứng nhận kết hốn số 92, Quyển số 1 do Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/01/1986. Qúa trình chung sống bà không cảm nhận được

hạnh phúc của một người chồng đối với người vợ và người cha đối với các con. Từ 7 năm nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ vợ chồng dù vẫn sống chung tại nhà cha mẹ bà. Đã nhiều lần bà nói với ông N là bà với ông N không hợp nhau nhưng ông N vẫn không chịu ly hôn. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Tiến Minh C, sinh ngày 03/7/1992 và Cao Tiến Minh D, sinh ngày 21/11/1987, tất cả đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Cao Tiến N trình bày:

Ông thừa nhận đúng về lời trình bày của bà H về mối quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống có mâu thuẫn nhưng không đến mức độ vợ chồng phải ly hôn. Qua yêu cầu của bà H, ông không đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Tiến Minh C, sinh ngày 03/7/1992 và Cao Tiến Minh D, sinh ngày 21/11/1987, tất cả đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bố mẹ vợ có cho một mảnh đất được xây dựng lên thành nhà mang số 17 Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh do bà H đứng tên, nhưng hiện nay bà H đã bán.

Về nợ chung: Không có

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 289/2018/HNGĐ-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9, 26, 30, 31 và 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Minh H

Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Minh H được ly hôn với Cao Tiến N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Tiến Minh C, sinh ngày 03/7/1992 và Cao Tiến Minh D, sinh ngày 21/11/1987, tất cả đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình có Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-HNGĐ kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 289/2018/HNGĐ-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

Về nội dung: Tại các phiên tòa bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và tuyên án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H được ly hôn với ông Cao Tiến N. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân quận Tân Bình lại căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình (Thuận tình ly hôn) để áp dụng cho vụ Ly hôn theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình (Ly hôn theo yêu cầu một bên) là áp dụng sai điều luật.

Về áp phí: Đây là vụ án, không có tranh chấp về tài sản chung Tòa án phải áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân quận Tân Bình áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là không đúng quy định và đề nghị sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm" tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Xét trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Minh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trong khi ông N không đồng ý ly hôn với bà H. Do vậy, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thuộc trường hợp " Ly hôn theo yêu cầu của một bên" quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân Gia đình 2014. Việc Tòa án nhân dân quận Tân Bình áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 để áp dụng chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là không chính xác.

Mặt khác trong vụ án trên các đương sự chỉ tranh chấp ly hôn, không tranh chấp về tài sản chung. Việc Tòa án nhân dân quận Tân Bình áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 trường hợp có tranh chấp tài sản chung là không đúng với quy định của pháp luật.

Mặc dù sau khi Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình có Quyết định kháng nghị, Tòa án nhân dân quận Tân Bình ra Quyết định sửa chữa, bổ sung về các sai phạm trên. Tuy nhiên căn cứ khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì các sai phạm nêu trên của bản án sơ thẩm không thuộc trường hợp được sửa chữa, bổ sung. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức : Sau khi xét xử sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình có Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 12/4/2018 kháng nghị một phần bản án số 289/2018/HNGĐ-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng nghị, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, Cấp phúc thẩm không xét.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 921 Quyển số 1, do Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/01/1986 cho ông Cao Tiến N và bà Trương Thị Minh H thì hôn nhân giữa ông N và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Xét nội dung vụ án bà Trương Thị Minh H yêu cầu được ly hôn với ông Cao Tiến N, trong quá trình giải quyết vụ án ông N không đồng ý ly hôn. Nhưng bà H vẫn yêu cầu ly hôn nên sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ và mức độ mâu thuẫn của bà H và ông N, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Minh H, bà H được ly hôn với ông N, được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã áp dụng Điều 55 về Thuận tình ly hôn là chưa chính xác.

Mặt khác, các đương sự chỉ tranh chấp ly hôn không tranh chấp tài sản chung, Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trong vụ án này, chỉ có nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mức không có giá ngạch. Việc Tòa án nhân dân quận Tân Bình áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 trường hợp có tranh chấp tài sản chung là không đúng với quy định của pháp luật

Ngày 27/4/2018 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 19/2018/QĐ-SC sửa chữa, bổ sung là không đúng với quy định pháp luật. Bởi, theo quy định tại Khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chỉ sửa chữa, bổ sung khi phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận Tân Bình ra Quyết định sửa chữa bổ sung là chưa phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 12/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở để chấp nhận.

Những phần quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm giữ nguyên.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 12/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần bản án số 289/2018/HNGĐ-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9, 26, 30, 31 và 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Minh H được ly hôn với ông Cao Tiến N.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Tiến Minh C, sinh ngày 03/7/1992 và Cao Tiến Minh D, sinh ngày 21/11/1987, tất cả đã trưởng thành.

3. Tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trương Thị Minh H chịu được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0007425 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND quận Tân Bình;
- UBND quận Tân Bình;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/17).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Thiên Hương